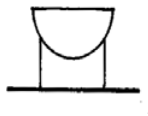
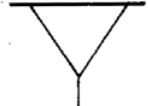
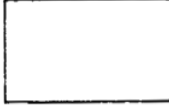
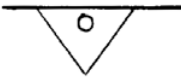


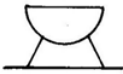
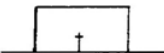
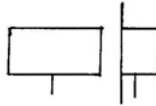
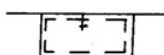
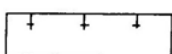
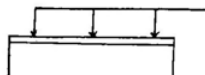
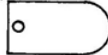
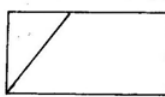
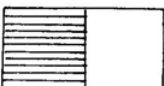
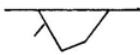
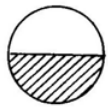
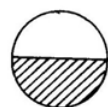
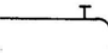
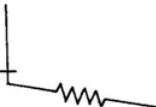
Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Kí hiệu quy ước trang thiết bị kĩ thuật vệ sinh

System of building design documents - Symbols for sanitary engineering equipments

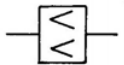
Tiêu chuẩn này thay thế TCVN 2241: 1977 "Tài liệu thiết kế. Thiết lập bản vẽ kĩ thuật vệ sinh".

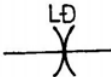
1. Tiêu chuẩn này quy định quy ước về trang thiết bị kĩ thuật vệ sinh (bao gồm cấp nước, thoát nước, thông gió cấp nhiệt) sử dụng trong thiết kế xây dựng.
2. Tiêu chuẩn này không quy định kích thước của các kí hiệu.
3. Được sử dụng các kí hiệu khác để thiết kế trong trường hợp sau: Các thiết bị sử dụng trong thiết kế không có kí hiệu quy ước trong tiêu chuẩn này hoặc các tiêu chuẩn khác của hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng. Khi sử dụng phải có chú thích trên bản vẽ.
4. Trên các kí hiệu quy ước được sử dụng thêm các kí hiệu bằng số, bằng chữ hoặc bằng số kết hợp để thể hiện rõ thêm đặc trưng kĩ thuật của thiết bị.
5. Kí hiệu về trang thiết bị kĩ thuật vệ sinh được quy định như sau:
5.1 Kí hiệu quy ước trang thiết bị cấp nước, thoát nước

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt cắt
1	2	3
5.1.1. Chậu xí kiểu ngồi bệt		
5.1.2. Chậu xí kiểu ngồi xổm		
5.1.3. Bình xả của chậu xí		
5.1.4. Âu tiểu		

1	2	3
5.1.5. Bide		
5.1.6. Chậu rửa		
5.1.7. Chậu rửa mặt		
5.1.8. Máng rửa		
5.1.9. Bồn tắm		
5.1.10. Khay tắm đứng có vòi tắm hương sen		
5.1.11. Phễu thu nước		
5.1.12. Họng nước chữa cháy		
5.1.13. Vòi nước (kí hiệu chung)		
5.1.14. Vòi tắm hương sen		
5.1.15. Vòi có bộ phận nối tiếp		
5.1.16. Van (kí hiệu chung)		
5.1.17. Van một chiều		
5.1.18. Khoá (Kí hiệu chung)		
5.1.19. Đồng hồ đo nước		

Tên gọi	Trên mặt bằng	Trên mặt cắt
1	2	3
5.2.1. Ống xoắn ruột gà		
5.2.2. Ống sườn trong		
5.2.3. Bộ sườn ống tròn		
5.2.4. Ống sườn có cánh		
5.2.5. Bộ sườn ống có cánh		
5.2.6. Bộ sườn đối lưu có vỏ bọc		
5.2.7. Bộ sườn bức xạ		
5.2.8. Panen sườn		
5.2.9. Thiết bị sườn gió		
5.2.10. Thùng chứa nước ngưng		
5.2.11. Bộ phận tách và thải nước		
5.2.12. Bộ phận gia ẩm		
5.2.13. Bộ phận tách dầu		
5.2.14. Quạt ly tâm		

1	2	3
5.2.15. Quạt trục		
5.2.16. Bộ phận sấy nóng không khí		
5.2.17. Bộ phận làm lạnh không khí		
5.2.18. Buồng phun mù		
5.2.19. Bộ lọc không khí		
5.2.20. Bộ tiêu âm		
5.2.21. Bộ tách bụi li tâm		
5.2.22. Bộ phận điều chỉnh thông gió :		
5.2.22.1. Van bướm		
5.2.22.2. Tấm chắn		
5.2.23. Giếng (ống) lấy không khí		
5.2.24. Cửa lấy không khí trên tường		
5.2.25. Giếng (ống) thải không khí		
5.2.26. Miệng thổi không khí		

1	2	3
5.2.27. Miệng hút không khí		
5.2.28. Chụp thổi		
5.2.28.1. Hình chữ nhật		
5.2.28.2. Hình nón		
5.2.29. Chụp thải giá		
5.2.30. Lỗ đo		
5.2.31. Bếp		
5.2.32. Tủ lạnh		
5.2.33. Điều hoà		